

VAI TRÒ CỦA HIẾU KINH

trong đời sống xã hội Trung Quốc

THS. NGUYỄN THỊ KIỀU MINH

Viện Nghiên cứu Trung Quốc

Trong xã hội Trung Quốc, *đạo hiếu* có vị trí và vai trò vô cùng quan trọng. Điều đó được thể hiện bởi, xã hội truyền thống Trung Quốc không chỉ lấy *nông lập quốc*, mà còn lấy *hiếu lập quốc*. Vai trò của *đạo hiếu* trong xã hội Trung Quốc, ngoài chức năng là đức tính đạo đức, còn kiêm thêm cả chức năng giáo dục, chính trị, tôn giáo và pháp luật. Vì vậy, "đạo hiếu ở Trung Quốc là cơ sở để ổn định cơ cấu xã hội và chế độ gia đình"⁽¹⁾. Việc *Hiếu* được đặt thành *Kinh* đủ để thấy tính chất của *Hiếu* quan trọng tới dường nào trong xã hội Trung Quốc.

Hiếu Kinh có vị trí thứ bảy trong mười ba bộ *Kinh* điển của Nho gia. Theo dòng chảy thời gian đã trở thành hạt nhân trong tư tưởng của Nho gia và được xem như một sợi dây xuyên suốt giữa

trời đất, con người, tổ tiên, cha mẹ, con cháu, đồng thời được coi là cuốn sách khai tâm cho người mới đi học.

Trong các trước thuật cổ đại của Trung Quốc, những công trình có bàn tới tư tưởng *đạo hiếu* có rất nhiều như: *Hiếu Kinh*, *Đại học*, *Trung Dung*, *Lễ Ký*, *Nghi Lễ*, *Đại Bái Lễ Ký*, *Luận ngữ*, v.v..., nhưng trong những cổ tịch đó chỉ có *Hiếu Kinh* là cuốn kinh điển tập trung đi sâu về *đạo hiếu* nhất. *Hiếu Kinh* chỉ rõ gốc của đạo đức là *Hiếu*, cũng là "chí đức yếu đạo" của tiên vương.

Trong bài viết này, chúng tôi đưa ra một số đánh giá tương đối khái quát về tầm quan trọng của *Hiếu Kinh*, sự kế thừa, phát triển và những hạn chế của *Hiếu Kinh* cũng như *đạo hiếu* của Nho gia nói chung đối với đời sống xã hội Trung Quốc.

1. Tầm quan trọng của *Hiếu Kinh* trong đời sống xã hội Trung Quốc.

Trước hết, phải khẳng định rằng, *Hiếu Kinh* có vị trí và ảnh hưởng vô cùng to lớn, sâu rộng tới hệ thống tư tưởng, giá trị đạo đức và đời sống tinh thần của mỗi thời đại trong lịch sử Trung Quốc.

Nếu nhìn từ góc độ tôn giáo và triết học, có thể thấy *Hiếu Kinh* mang tính tôn giáo, tính nhân văn về phong tục thờ cúng tổ tiên và theo đuổi cái vĩnh hằng. Ngoài ra, *Hiếu Kinh* còn phảng phất nhân sinh quan triết học về sự quý trọng và bảo vệ sinh mệnh của người Trung Quốc.

Vào triều Hán, sau khi Hán Vũ Đế "bãi truất bách gia, độc tôn nho thuật" thì tư tưởng "hiếu đạo" và "hiếu trị" chính thức trở thành *đạo trị thế* được các vương triều tôn sùng, đồng thời trở thành nội dung chủ yếu trong nền giáo hoá. Sự tôn sùng "hiếu đạo" và "hiếu trị" của các vương triều phong kiến đã chứng tỏ tư tưởng "hiếu trị" có giá trị vô cùng to lớn đối với giai cấp thống trị phong kiến.

Đời Hán tôn sùng Khổng Tử, kinh *Xuân Thu* và *Hiếu Kinh* trở thành hai trụ cột tinh thần lớn của tư tưởng học thuật và tư tưởng chính trị. *Hiếu Kinh* trở thành sách giáo khoa lưu hành ở đời Hán và việc giáo dục về *Hiếu Kinh* thời này đã phổ cập đến xã hội nông thôn nói chung. Sách *Tục Hán Chí* có viết: "... Thời Hán đặt *Hiếu Kinh* thi tuyển kẻ sĩ ...", điều đó chứng tỏ ở đời Hán, *Hiếu Kinh* có ảnh hưởng vô cùng to lớn.

Hiếu Kinh dưới thời Lục Triều cũng

rất được coi trọng. Trong xã hội Trung Quốc thời đó, diễn ra nhiều hoạt động chú giải và truyền dạy *Hiếu Kinh*. Trong triều, các vị vua và hoàng thái tử cũng rất quan tâm tới việc nghe kinh, giảng kinh.

Trong lịch sử Trung Quốc, triều Đường là triều đại dùng "hiếu trị" có tiếng sau đời Hán. Đường Thái Tông khen Hoàng Thái tử đọc *Hiếu Kinh* rằng: "...làm được như thế, đủ để phụng thờ cha anh, làm trọn đạo tôi con...". Cao Tông: niên hiệu Nghi Phượng năm thứ 3 (năm 678) ra lệnh lấy *Đạo Đức kinh* và *Hiếu Kinh* làm Thượng Thư, ra lệnh cho các công tử đều phải tu học. Đặc biệt, vua Đường Huyền Tông ngự chú *Hiếu Kinh*, ban lệnh "...trong thiên hạ nhà nào cũng có sách, chăm chỉ học truyền, trong trường phải truyền dạy, châu huyện quan trưởng khuyến khích đọc, thi..."⁽²⁾. Không những thế, đến năm Thiên Bảo thứ tư Đường Huyền Tông tiếp tục tăng bổ hiệu đính và chú lại *Hiếu Kinh*, ra lệnh khắc đá dựng trong nhà Thái học, gọi là *Thạch Đài Hiếu Kinh*⁽³⁾.

Nhìn chung, *Hiếu Kinh* thể hiện sự kế thừa và phát triển mang tính toàn diện về tư tưởng đạo hiếu của Khổng Tử, Tăng Tử, Mạnh Tử, đồng thời tượng trưng cho sự hoàn thiện, sáng lập lý luận đạo hiếu của Nho gia. Bởi, đạo hiếu là trọng tâm của đạo đức, là gốc rễ xử thế, là nấc thang nhân đức tu thân, càng là chuẩn mực tế gia trị quốc bình thiên hạ của nhà cầm quyền. Do vậy, có thể thấy nội dung của *Hiếu Kinh*, ngoài ý nghĩa luân lý gia đình ra còn có ý nghĩa

chính trị. Tư tưởng "Hiếu trị" đối với sự thống trị của đế vương thời đại phong kiến, có giá trị vô cùng to lớn. Cho nên, đế vương các triều đại đều tôn sùng nho thuật và rất suy tôn *Hiếu Kinh*, đồng thời, khen ngợi dưới nhiều hình thức, thậm chí trong khoa cử dùng biện pháp bắt buộc đọc kinh điển để chọn kẻ sĩ. "Người thời nay cho rằng: đạo hiếu chính là nền tảng tinh thần luân lý về chính trị thời cổ đại Trung Quốc" (4).

Hiếu Kinh có vị trí đặc biệt trong bối cảnh thời đại của nó, tuy rằng chỉ có hai ngàn chữ, nhưng đã trở thành lý luận độc đáo, phát huy tổng hợp tư tưởng hiếu đạo của Nho gia, cũng bởi vậy mà *Hiếu Kinh* đã chiếm vị trí vô cùng quan trọng trong hệ thống luân lý của Nho gia. Nhà kinh học thời Đông Hán Trịnh Huyền từng nói: "*Hiếu Kinh* giả, tam tài chi kinh vĩ, ngũ hành chi cương kỷ (*Hiếu Kinh* là vĩ độ của tam tài và kỷ cương của ngũ hành)" (5).

Hiếu Kinh có ảnh hưởng rất lớn tới tư tưởng và đời sống của con người, "... từ thời Hán đến cuối đời Thanh, tầng lớp hậu nho đều tôn sùng *Hiếu Kinh*, cho rằng *Hiếu Kinh* có vị trí đặc biệt và coi *Hiếu Kinh* là "tổng hội quân kinh, cương kỷ quân kinh" (tổng hợp và kỷ cương của các loại kinh)" (6). Cũng bởi vậy mà vào đời Thanh, Hoàng Đế Thuận Trị đích thân làm chú *Hiếu Kinh*. Vua Ung Chính tập hợp chú giải *Hiếu Kinh* các đời thành *Hiếu Kinh tập chú*. Vua Càn Long đã tự làm đề ký cho *Hiếu Kinh Đồ* (do họa sĩ cung đình Kim Đình Tiêu vẽ). Thời Hàm Phong, ra lệnh các học hiệu mỗi tỉnh đều phải thêm *Hiếu Kinh* vào

khoa mục thi cử.

Cho tới đầu thế kỷ XX, Chính phủ Bắc Dương còn liệt *Hiếu Kinh* vào trong nội dung sách giáo khoa của bậc trung học và tiểu học. Điều này cũng khẳng định vị trí đặc biệt của *Hiếu Kinh* trong kinh điển Nho gia như thế nào.

Trải qua những biến chuyển của lịch sử, *Hiếu Kinh* không chỉ có ảnh hưởng sâu rộng ở Trung Quốc, mà còn trở thành kinh điển Nho gia và rất được coi trọng ở các nước như Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam, v.v...

2. Sự lưu truyền và phổ biến *Hiếu Kinh* ở Trung Quốc

Chính bởi *Hiếu Kinh* có vị trí vô cùng quan trọng trong hệ thống tư tưởng luân lý Nho gia, nên từ khi ra đời đến nay, sự lưu truyền của nó rất nhanh và rộng.

"Ở Trung Quốc, hai bản Kim văn và Cổ văn cùng được lưu hành. Cổ văn *Hiếu Kinh*, tương truyền thời Hán Vũ Đế có Khổng An Quốc làm *Truyện*. Nhưng việc Khổng An Quốc làm *Truyện* cho bản Cổ văn *Hiếu Kinh* không được sử sách ghi chép lại, nên điều này vẫn chưa được sáng tỏ. Đến đời Lương, bản Cổ văn và bản Kim văn cùng song hành. Nhưng theo *Tuỳ thư - Kinh tịch chí* viết: "Bản *Khổng Chú* mất vào loạn thời Lương", từ đó các đời Trần, Chu, Tề chỉ còn có *Trịnh Chú Kim Văn* lưu hành.

Thời Tuỳ, Vương Thiệu tìm được *Khổng Truyện Cổ Văn*, truyền lại cho Lưu Huyền. Lưu Huyền làm ra *Nghĩa Số*. Nhưng các học giả đương thời nghi ngờ bản *Cổ Văn Khổng Truyện* của Lưu Huyền không phải là nguyên bản của

Khổng An Quốc, mà do Lưu Huyền hoặc Vương Túc (195 - 256) soạn.

Đến đời Đường, Đường Huyền Tông lệnh cho các nhà Nho nghị luận lại hai bản *Kim Cổ Hiếu Kinh*, bỏ cái sai, tìm cái đúng, xác lập chân bản, nhưng vẫn còn nhiều ý kiến nên chưa đi đến thống nhất. Vì thế, đến năm thứ 10 niên hiệu Khai Nguyên (712), Đường Huyền Tông tham khảo *Khổng Truyện*, *Trịnh Chú* và chú giải của các bậc tiên Nho như Vi Chiêu, Vương Túc, Ngụ Phiên, Lưu Thiện, Lưu Huyền, Lục Trưng, coi *Kim Văn Hiếu Kinh* là gốc để làm ra *Ngự Chú*. Đến năm Thiên Bảo thứ tư Đường Huyền Tông tiếp tục bổ sung hiệu đính và chú lại *Hiếu Kinh*.

Đến đời Tống Chân Tông (998 - 1022), Hình Bính làm chức Hàn Lâm Thị Giảng Học Sĩ, dâng chiếu cùng với Đỗ Cảo, Thư Nhã, Tôn Thích hiệu đính *Tam Lễ*, *Tam Truyện*, soạn số cho Hiếu Kinh, Luận Ngữ, Nhĩ Nhã, v.v... Hình Bính căn cứ vào bản *Thạch Đài Hiếu Kinh* thời Đường để làm *Chính Nghĩa*, đây chính là bản trong *Thập tam kinh chú số* được lưu hành rộng rãi ngày nay.

Thời Tống Nhân Tông, *Hiếu Kinh* lưu giữ trong hoàng cung có ba loại là *Trịnh Chú*, *Ngự Chú* và *Cổ văn*. Do bản *Cổ văn* chỉ có kinh mà không có chú, cho nên Tư Mã Quang dựa vào bản cổ văn *Hiếu Kinh* lưu giữ trong hoàng cung mà làm *Hiếu Kinh chính nghĩa chỉ giải*. Sau đó, Phạm Tổ Vũ cũng làm *Cổ văn Hiếu Kinh thuyết*. Do vậy, mà bản *Cổ văn* lại lưu truyền ở đời.

Ngô Trưng người đời Nguyên soạn

Hiếu Kinh định bản cũng có cách làm tương tự như Chu Hy, song ông đã chọn bản *Kim văn*, lấy sáu chương đầu làm Kinh, mười hai chương sau mỗi chương gọi là *Truyện*.

Đời Thanh, Nghiêm Khả Quân làm *Trình Chú tập bản*, Tỳ Bích Thụy có *Hiếu Kinh Trình chú số*.

Ngày nay, thông dụng là *Hiếu kinh Đường Huyền Tông chú* (thời Đường) và *Hình Bính số* (thời Tống).

3. Những hạn chế mang tính lịch sử của *Hiếu Kinh* và đạo hiếu của Nho gia nói chung

Có thể nói, cho đến nay *đạo hiếu* vẫn đóng một vai trò quan trọng trong đời sống của người Á Đông. Đó là một truyền thống văn hoá tư tưởng tốt đẹp, là tài sản văn hoá tinh thần mà các quốc gia chịu ảnh hưởng Nho giáo đóng góp cho nhân loại. Hơn nữa, không ai có thể phủ nhận vai trò điều tiết giữa xã hội và gia đình của *đạo hiếu*. Tuy nhiên, tư tưởng Hiếu mà Nho gia lấy làm căn bản, đã bị giai cấp thống trị lợi dụng để dễ ràng buộc, thống trị người dân, giáo dục người dân chỉ biết thành kính lắng nghe lời của bề trên, không “làm loạn” để ảnh hưởng đến vai trò thống trị của giai cấp phong kiến. Cho nên, sự kế thừa và phát huy *đạo hiếu* trong xã hội hiện đại cũng cần có những phân tích, chọn lọc và có tính phê phán.

Bởi, trong tư tưởng về *đạo hiếu* truyền thống vẫn còn tồn tại mâu thuẫn. Đó là mâu thuẫn giữa quyền lợi và nghĩa vụ: *đạo hiếu* truyền thống coi trọng nghĩa vụ mà coi nhẹ quyền lợi. Trong

toàn *Hiếu Kinh* cũng đã nói đầy đủ những quy định và hạn chế về nghĩa vụ của con cái. Theo *đạo hiếu*, con cái phụng dưỡng cha mẹ, trung thành với bề trên, cam chịu sự chỉ trích, kể cả những chỉ trích vô lý, ví như đàn ông phải đợi khi người vợ sinh được con trai mới có thể thoát khỏi tội bất hiếu, v.v...

Đạo hiếu truyền thống trong xã hội phong kiến khó có thể cùng thực hiện được quyền lợi và nghĩa vụ, tức là cùng với việc thực hiện nghĩa vụ nhưng khó có thể được hưởng quyền lợi. Con cái đối với cha mẹ và bề trên chỉ có toàn tâm toàn ý lựa chọn chữ hiếu, nếu không sẽ bị xã hội phê phán và chịu sự trừng phạt của pháp luật.

Trong mối quan hệ về nghĩa vụ và trách nhiệm của đạo hiếu, trên thực tế, thông qua những ràng buộc về con cái với cha mẹ, giữa tiểu bối với trưởng bối, để giai cấp thống trị có thể chuyển biến nó thành sự nô dịch về chính trị và sự phục tùng về tông pháp. Trong xã hội phong kiến, *Hiếu Kinh* đã không phát huy được vai trò thức tỉnh mọi người, mà bị biến chuyển thành hình thái của chính trị, tông pháp, chịu sự nô dịch và áp chế. Vì vậy, hiện tượng lạm dụng quyền lực để phát sinh. Và phải chăng, chính bởi nhiều Nho gia có tư tưởng bảo vệ tinh thần hiếu là nhất nhất phải theo ý cha mẹ dù cha mẹ có sai lầm, lại phải kính chú không được trái, thừa nhận tư tưởng “trong thiên hạ không có cha mẹ nào là không đúng” của Chu Hy, cho rằng “dù cha có không nhân từ thì con cũng không được quên hiếu, dù vua có không sáng thì tôi cũng không được

quên trung”. Như vậy, xét từ khía cạnh của người hiện đại, thì thấy phần nào có tư tưởng bảo thủ. Trong những quy định về hiếu hạnh của Nho gia, có tồn tại mâu thuẫn nội tại mà bản thân nó không thể giải quyết được. Ví như Chu Đàm Tử vì thuận theo ý muốn của mẹ, mà mạo hiểm dẫn thân vào chốn rừng sâu tìm sữa hươu; Giới Tử “cắt da thịt để cha mẹ ăn” nên phạm điều răn dạy: “thân thể tóc da nhận từ bố mẹ, dám mà huỷ thương”; Quách Thân chôn sống con để tiết kiệm lương thực phụng dưỡng mẹ già nên đã vi phạm vào giáo huấn: “bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại”.

Một hạn chế khác của *đạo hiếu* là làm giảm vai trò của cá nhân. *Đạo hiếu* khởi nguồn từ chế độ thị tộc, coi gia trưởng là người đứng đầu. Đây là một quy định trong luân lý gia đình, coi trọng sự ổn định trong gia đình. Trong một gia đình, bề trên nói, bề dưới phải nghe lời, không có quyền phát biểu ý kiến của mình. Như vậy, trong cuộc sống xã hội sẽ tạo nên những con người chỉ biết nghe lời, quá phụ thuộc vào bề trên mà thiếu tính sáng tạo, dẫn đến nhiều sự việc trong xã hội sẽ bị xử lý theo những luật lệ, gia phong của gia đình, dòng tộc mà không theo luật pháp của quốc gia.

Lễ giáo là trụ cột có sức mạnh nhất của chủ nghĩa gia tộc truyền thống, việc thúc đẩy, truyền bá *đạo hiếu* chủ yếu là để duy trì lễ giáo. Lễ giáo chủ yếu dựa vào thuyết tam cương, hiếu trung, giáo trung, giáo hiếu, giáo tòng, thực tế là nhấn mạnh đến những nghĩa vụ phiến diện, đạo đức bất bình đẳng và chế độ tôn thờ giai cấp.

Trong “Lễ Ký. Điển Lễ Hạ” có viết rằng: “*Chi tử bất tế, tế tất cáo vu tông tử*” (Con thứ không được tế lễ, nếu tế lễ thì phải báo cáo với tông tử). Vì thế, người nối tiếp cha chỉ có thể tế cha, người nối tiếp ông thì tế ông, người nối tiếp cụ thì tế cụ, người nối tiếp kỵ thì tế kỵ, phàm nếu không có sự nối tiếp từ đời này sang đời khác thì không thể tồn tại việc tế tự, những điều này đều liên quan tới cái gọi là “tiểu tông”. Chỉ có người nối tiếp thủy tổ thì mới có thể gọi là “đại tông”, tông tử đời thứ nhất của đại tông mới có đặc quyền tế tự thủy tổ, còn các hệ khác đều không có tư cách tế tự tổ tông ở tông miếu.

Trong “Mạnh Tử. Ly Lâu Thượng” lại nói: “*Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại*”- tội bất hiếu chia làm ba, trong đó tội không có con nối dõi tông đường là nặng nhất”, coi việc tiếp nối từ đời này sang đời khác là quan trọng nhất. *Đạo hiếu* cũng là một nguyên tắc bảo đảm tăng dân số, nó yêu cầu mỗi thành viên trong xã hội phải coi việc xây dựng gia đình, sinh con đẻ cái là nghĩa vụ về mặt đạo nghĩa không được phép từ chối, nếu không sẽ phải chịu sự kỳ thị và trừng phạt của xã hội. Điều này, phản ánh xã hội cổ Trung Quốc coi bản năng tự nhiên của việc sinh nở là một hành vi văn hóa.

Đạo hiếu mà Nho gia vốn đề xướng, trong đó bao hàm cả nhân tố lạc hậu bảo thủ, nó yêu cầu con cái phục tùng cha mẹ, người trẻ tuổi phục tùng người lớn tuổi, thế hệ sau phải tuân thủ quy trình cũ mà tiền bối đã chế định, tất cả mọi việc đều phải tuân thủ phép tắc của tổ tông, phản đối việc cải cách xã hội.

Nhưng tầng lớp trẻ là thành phần có sức sống, có sinh khí nhất trong xã hội. Trước *đạo hiếu* họ bị bó buộc và chịu sự ép thúc của người lớn tuổi, nhân cách độc lập và ý chí tự do của họ bị kìm nén, bị tước đoạt, tinh thần khai phá tiến thủ và sáng tạo cái mới của họ bị kiểm chế, bị bóp nẹt. Kết quả là trọng tâm của xã hội bị nghiêng về phía sau, kìm hãm tốc độ phát triển của xã hội.

Ở một khía cạnh khác nữa, nhìn từ quan điểm pháp chế của thời hiện đại có thể thấy rằng, *đạo hiếu* cũng gây ảnh hưởng tiêu cực đối với luật pháp truyền thống Trung Quốc. Bởi, tình riêng của *đạo hiếu*, lợi ích gia tộc và lợi ích quốc gia thể hiện trong pháp luật là đối lập nhau. Pháp luật là thể hiện ý chí của công dân và quốc gia, nếu như để cho pháp luật khuất phục trước lợi ích gia tộc và tình thân riêng tư, thì pháp luật mất đi sự tôn nghiêm của nó. Pháp luật luôn luôn bình đẳng trước tất cả mọi người, cần phải kiên trì “*vương tử phạm pháp dữ thứ dân đồng tội*” (con vua mà phạm pháp thì tội không khác gì thứ dân), không nên phân biệt nam nữ già trẻ, bậc hiền tài hay kẻ ngu muội, mà đều phải xử phạt như nhau.

Đạo hiếu đã ăn sâu bén rễ vào xã hội Trung Quốc, len lỏi đến từng gia đình, ngấm vào tư tưởng từng người, qua từng thế hệ và lưu truyền lại đến tận ngày nay. Nhưng bên cạnh đó, nhược điểm của nó cũng gây cho con người những điều phiền muộn bởi sự kìm hãm về mặt tư tưởng, tình cảm dẫn đến tâm sinh lý con người không được thông thoáng, không được thoải mái, ví dụ như “tam

tòng” đối với người phụ nữ: Tại gia tòng phụ: khi người con gái chưa xuất giá, ở nhà tất cả mọi việc đều phải tuân theo ý của cha mẹ, thậm chí không được bày tỏ ý kiến của mình; xuất giá tòng phu: khi về nhà chồng thì phải tuân thủ mọi phép tắc nhà chồng; phu tử tòng tử: khi không may trở thành góa phụ thì phải ở vậy nuôi con, không được tái giá, mặc dù tuổi đời còn rất trẻ. Nếu trái với những điều đó thì bị mang tội bất hiếu.

Đạo hiếu đã tồn tại không chỉ ở Trung Quốc mà cả ở các nước như Triều Tiên, Nhật Bản và Việt Nam từ mấy ngàn năm nay. Nó đã đi sâu vào tâm tưởng của người dân, luôn luôn được đề cao, trân trọng trong mọi tầng lớp nhân dân, bởi giá trị vạn năng và sức mạnh diệu kỳ của nó. Thời nào cũng vậy, *đạo hiếu* luôn luôn là lẽ sống và chuẩn mực về đạo lý làm người. Nếu coi thường *đạo hiếu* thì gia đình, xã hội sẽ mất đi luân lý, kỷ cương, phép nước trong đời sống của con người. Mặc dù *đạo hiếu* còn có những khiếm khuyết và hạn chế trong một vài phương diện của đời sống xã hội, song, nếu chúng ta biết gạt đục khơi trong và vận dụng một cách linh hoạt thì *đạo hiếu* vẫn mãi mãi là ánh sáng đạo đức đưa dẫn con người đi tới văn minh tốt đẹp.

Các triều đại phong kiến của Trung Quốc cũng rất coi trọng *Hiếu Kinh*, khuyến khích phát triển giảng dạy *Hiếu Kinh* tại các trường học. Người Trung Quốc từ xưa đã nêu cao tinh thần hiếu hạnh, nên các bậc tước nho thẩm nhuần tư tưởng *đạo hiếu*, vì muốn giúp quân vương dấy hưng hiếu hạnh trong dân mà

đã để tâm biên soạn hiếu sử. Tuy bản thân *Hiếu Kinh* vẫn còn một số điểm chưa đầy đủ, nhưng xét về tổng thể, *Hiếu Kinh* vẫn là nét đẹp của văn hoá Á Đông. Điều quan trọng là chúng ta phải biết chắt lọc những gì tinh túy nhất và trong những điều kiện lịch sử nhất định, không nên quá câu nệ vào tín điều Nho giáo, khư khư giữ chữ hiếu một cách máy móc.



CHÚ THÍCH

1. Diệp Quang Huy, Dương Quốc Khu (1989), *Kết cấu và phát triển của nhận thức đạo hiếu*, Tập san của Sở Nghiên cứu Dân tộc học Viện Nghiên cứu Trung ương Đà Loan, tháng 6.
2. *Đường hội yếu*, quyển 75.
3. Lạc Thừa Liệt (2003), *Tuyển tập tư liệu đạo hiếu cổ đại Trung Quốc*, Nxb Đại học Sơn Đông.
4. Tiêu Quân Trung (1997), *Hiếu là nền tảng tinh thần luân lý của chính trị cổ đại Trung Quốc*, Học báo Đại học Sư phạm Tây Bắc, kỳ thứ 6.
5. Trương Thiện Văn, Mã Trung Kỳ (chủ biên) (1997), *Nghiên cứu việc truyền thụ Hiếu Kinh*, Công ty TNHH Sự nghiệp văn hóa Đỉnh Châu.
6. Tạ Bảo Cảnh (biên tập) (2000), *Tinh thần hiếu đạo Trung Quốc*, Nxb Học viện KHXH, Thượng Hải.